

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

06 tháng đầu năm 2025

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội Dung	Số dư đầu kỳ (VNĐ)	Số dư cuối kỳ (VNĐ)	Ghi Chú
I	Tài sản ngắn hạn	330.513.952.269	358.530.509.734	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	114.231.504.986	105.327.298.094	
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	15.000.000.000	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	168.114.811.342	183.276.972.227	
4	Hàng tồn kho	39.292.625.024	54.849.855.429	
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.875.010.917	76.383.984	
II	Tài sản dài hạn	186.806.365.024	201.019.314.103	
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	
2	Tài sản cố định	172.675.937.990	187.113.873.760	
	- Tài sản cố định hữu hình	117.179.032.031	131.658.464.141	
	- Tài sản cố định vô hình	55.496.905.959	55.455.409.619	
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.730.152.384	7.730.152.384	
4	Chi phí trả trước dài hạn	6.400.274.650	6.175.287.959	
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	517.320.317.293	559.549.823.837	
IV	Nợ phải trả	158.589.394.070	209.072.239.476	
1	Nợ ngắn hạn	151.752.164.077	202.235.009.483	
2	Nợ dài hạn	6.837.229.993	6.837.229.993	
V	Vốn chủ sở hữu	358.730.923.223	350.477.584.361	
1	Vốn chủ sở hữu	357.251.535.983	348.998.197.121	
	- Vốn góp của chủ sở hữu	239.393.306.678	239.393.306.678	
	- Vốn khác của chủ sở hữu	58.504.103.734	58.504.103.734	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32.815.354.365	51.100.786.709	
2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	1.479.387.240	1.479.387.240	
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	517.320.317.293	559.549.823.837	

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	06T Năm 2024 (VNĐ)	06T Năm 2025 (VNĐ)	Ghi Chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	372.986.563.506	355.244.441.839	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	372.986.563.506	355.244.441.839	
4	Giá vốn hàng bán	290.089.568.051	287.975.959.609	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	82.896.995.455	67.268.482.230	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	311.666.485	256.173.809	
7	Chi phí tài chính	-		
8	Chi phí bán hàng	-		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.895.060.138	44.143.072.748	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	47.313.601.802	23.381.583.291	
11	Thu nhập khác	300.000	-	
12	Chi phí khác	723.180.753	400.459.429	
13	Lợi nhuận khác	(722.880.753)	(400.459.429)	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.590.721.049	22.981.123.862	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.462.780.360	4.674.069.438	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.127.940.689	18.307.054.424	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 Tháng 7 năm 2025

Người Lập Biểu



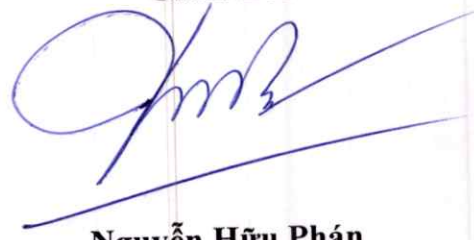
Nguyễn Thị Hoài Minh

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Công Hưng

Giám Đốc



Nguyễn Hữu Phán